

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2021

“ Về việc ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu.

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nông Thị B, sinh năm 1988 (Vắng).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Triệu Văn C, sinh năm 1979 (Vắng).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 25/5/2011. Quá trình chung sống hai vợ chồng bình thường, lâu lâu có xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu trầm trọng, nguyên nhân do anh C thường xuyên nhậu nhẹt về nhà chửi bới, hành hung đốt hết đồ đạc của chị, bản thân chị thương con nên cố gắng chịu đựng nhưng đến năm 2017 do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng nên chị đã sống ly thân với anh C cho đến nay. Quá trình sống ly thân chị thường xuyên về thăm nom con nhưng vợ chồng thì không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, kinh tế gia đình cũng độc lập. Hiện nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Triệu Thị Thu H, sinh năm 2011 và Triệu Trung H, sinh năm 2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao 02 con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Chị và anh Chiến không có tài sản, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Triệu Văn C trình bày: Anh và chị B tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 25/5/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, chị B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác rồi tự ý bỏ nhà đi. Thời gian đầu lâu lâu có về thăm con đến cuối năm 2017 thì đi cho đến nay. Hiện nay, anh đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung là Triệu Thị Thu H, sinh năm 2011 và Triệu Trung H, sinh năm 2013. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị B không có tài sản, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Nông Thị B yêu cầu ly hôn với anh Triệu Văn C, nơi cư trú của anh Triệu Văn C tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Nông Thị B, bị đơn anh Triệu Văn C yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nông Thị B và anh Triệu Văn C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 25/5/2011. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa chị Nông Thị B và anh Triệu Văn C là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị B thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh C thường xuyên

nhậu nhẹt về nhà chửi bới, hành hung đốt hết đồ đạc của chị, bị đơn anh Triệu Văn C cũng xác nhận sau khi đăng ký kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, chị B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác rồi tự ý bỏ nhà đi, thời gian đầu lâu lâu có về thăm con đến cuối năm 2017 thì đi cho đến nay, hiện nay chị B yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thị B và anh Triệu Văn C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thực tế thì anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay do đó mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị B là phù hợp.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh Triệu Văn C thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau chị Nông Thị B và anh Triệu Văn C có 02 con chung là Triệu Thị Thu H, sinh năm 2011 và Triệu Trung H, sinh năm 2013, từ khi sống ly thân cho đến nay anh Triệu Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, chị Nông Thị B cũng đồng ý tiếp tục giao con chung cho anh Triệu Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, các con của chị Nông Thị B và anh Triệu Văn C cũng có nguyện vọng sau khi chị Nông Thị B và anh Triệu Văn C ly hôn thì được ở với bố là anh Triệu Văn C. Vì vậy giao con chung là Triệu Thị Thu H và Triệu Trung H cho anh Triệu Văn C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị B và anh Triệu Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị B, chị Nông Thị B được ly hôn với anh Triệu Văn C.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Triệu Thị Thu H, sinh ngày

05/10/2011 và Triệu Trung H, sinh ngày 24/12/2013 cho anh Triệu Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị B, anh Triệu Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nông Thị B phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016167 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[7]. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã, thị trấn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 3 năm 2021
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Đăng Bảy.
Tiến hành nghị án vụ dân sự thụ lý số: 437/2020/TLST-HNGĐ ngày 22
tháng 10 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, giữa các đương sự: 5

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Anh, sinh năm 1994 (có mặt)
HKTT: Thôn 3, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
Nơi cư trú: Số 02 đội 3, ấp Phước Tâm, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Lâm Văn Đăng, sinh năm 1993 (vắng mặt)
HKTT: Thôn 3, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH 3/3 (100%) CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147, 161, 218 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Anh đối với bị đơn Lâm Văn Đăng; Xử cho chị Nguyễn Thị Anh được ly hôn với anh Lâm Văn Đăng.

[2] Về con chung: Giao con chung của chị Anh và anh Đăng là Lâm Nguyễn Hải Hưng, sinh ngày 05/02/2018 cho chị Anh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn Nguyễn Thị Anh đối với bị đơn Lâm Văn Đăng.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015734 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 16 tháng 3 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Liêu - Nguyễn Đăng Bảy

Nguyễn Văn Huệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Đoàn Kết;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huệ

